

**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng
và Thương mại Việt Nam**

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mục lục

| Nội dung | Trang |
|--------------------------------------|--------------|
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 1 |
| Báo cáo Kiểm toán Độc lập | 3 |
| Bảng Cân đối Kế toán | 5 |
| Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh | 7 |
| Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ | 8 |
| Thuyết minh Báo cáo Tài chính | 9 |

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam là một công ty cổ phần, tiền thân là Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Đầu tư thương mại Việt Nam thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102032308 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 10 năm 2007. Sau khi chuyển đổi, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035143 ngày 23 tháng 2 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sau này là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của Công ty đã được điều chỉnh như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp điều chỉnh

Nội dung điều chỉnh

| | |
|---|---|
| Lần 1 số 0103035143 ngày 1 tháng 2 năm 2010 | Bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ |
| Lần 2 số 0102382580 ngày 4 tháng 8 năm 2010 | Cấp lại mã số doanh nghiệp và bổ sung thông tin về địa điểm kinh doanh số 2 |
| Lần 3 số 0102382580 ngày 20 tháng 12 năm 2010 | Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh |
| Lần 4 số 0102382580 ngày 19 tháng 11 năm 2012 | Bổ sung ngành nghề kinh doanh và thông tin về địa điểm kinh doanh |
| Lần 5 số 0102382580 ngày 5 tháng 9 năm 2013 | Bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ |
| Lần 6 số 0102382580 ngày 22 tháng 9 năm 2014 | Bổ sung ngành nghề kinh doanh |
| Lần 7 số 0102382580 ngày 29 tháng 9 năm 2014 | Bổ sung thông tin về địa điểm kinh doanh |
| Lần 8 số 0102382580 ngày 16 tháng 10 năm 2014 | Bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ |

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 80 tỷ đồng.

1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số nhà 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Nhà máy sản xuất số 1 của Công ty đặt tại số 2, ngõ 55, ngách 42, phố Thanh Lân, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Nhà máy sản xuất số 2 của Công ty đặt tại số 42 Cầu Bươu, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là hoạt động bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, thi công các công trình xây dựng và vận chuyển hàng hóa.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 45 nhân viên (31.12.2013: 35 nhân viên).

2. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

3. Thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày từ nhiệm |
|-----------------------|------------|---------------------|---------------------|
| Ông Phạm Huy Thành | Chủ tịch | 23 tháng 2 năm 2009 | |
| Bà Đặng Thị Tuyết Lan | Thành viên | 23 tháng 2 năm 2009 | |
| Bà Đặng Thị Tien | Thành viên | 23 tháng 2 năm 2009 | 04 tháng 5 năm 2015 |
| Ông Lê Đình Vinh | Thành viên | 04 tháng 5 năm 2015 | |
| Ông Nguyễn Đức Thuận | Thành viên | 04 tháng 5 năm 2015 | |
| Ông Phạm Thành Trung | Thành viên | 04 tháng 5 năm 2015 | |

Thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|-------------------|---------------------|
| Ông Phạm Huy Thành | Tổng Giám đốc | 23 tháng 2 năm 2009 |
| Bà Đặng Thị Tuyết Lan | Phó Tổng Giám đốc | 23 tháng 2 năm 2009 |

4. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Phạm Huy Thành, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam, đại diện cho Ban Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



PHẠM HUY THÀNH

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 14-01-052A

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam ("Công ty"), được lập ngày 10 tháng 7 năm 2015, từ trang 5 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán này được phát hành lại, thay thế cho báo cáo kiểm toán số 14-01-052 ngày 27 tháng 3 năm 2015 cho ý kiến về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam được lập cùng ngày do việc sửa đổi, bổ sung thông tin của một số chỉ tiêu và nội dung cho phù hợp với quy định hiện hành, cụ thể như sau:

- Thay đổi các chỉ tiêu 300, 310, 318, 400, 410 và 417 của Bảng cân đối kế toán;
- Thay đổi các chỉ tiêu 32, 40, 50, 51 và 60 của báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Đính chính diễn giải và phân loại lại các chỉ tiêu 01, 02, 08, 09, 11, 12, 14, 20, 22, 23, 30 và 33 của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Đính chính diễn giải trong Thuyết minh 6 và bổ sung thông tin trong Thuyết minh 10, 14, 18 và 19.1 của báo cáo tài chính;
- Bổ sung các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán trong Thuyết minh 21 của báo cáo tài chính đến ngày lập báo cáo phát hành lại này.

Công ty sẽ có trách nhiệm thông báo đến các bên liên quan về các nội dung thay đổi trong báo cáo kiểm toán phát hành lại này.

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



PHẠM THẾ HÙNG

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán

Số: 0495-2013-042-1

HÀ NỘI

Ngày 10 tháng 7 năm 2015

NGUYỄN THANH TUẤN

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán

Số: 2301 -2013-042-1

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

| Tài sản | Mã số | Thuyết minh | 31.12.2014 | 31.12.2013 |
|---------------------------------------|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| A. Tài sản ngắn hạn | 100 | | 102.401.893.597 | 33.894.683.681 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 3 | 4.635.797.415 | 673.052.363 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 6.010.000.000 | - |
| 1. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 121 | 4 | 6.010.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 71.590.399.011 | 19.125.139.405 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 56.285.373.234 | 15.253.400.060 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 15.304.978.597 | 3.871.739.345 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 138 | | 47.180 | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 18.090.610.654 | 14.068.341.854 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 5 | 18.090.610.654 | 14.068.341.854 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.075.086.517 | 28.150.059 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 151 | 10 | 233.408.602 | 28.150.059 |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 6 | 1.841.677.915 | - |
| B. Tài sản dài hạn | 200 | | 8.345.069.842 | 499.274.245 |
| I. Tài sản cố định | 210 | | 6.346.035.103 | 167.765.033 |
| 1. Nguyên giá | 211 | 7 | 6.431.445.455 | 331.777.273 |
| 2. Giá trị hao mòn lũy kế | 212 | | (85.410.352) | (164.012.240) |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 240 | | 1.999.034.739 | 331.509.212 |
| 2. Tài sản dài hạn khác | 248 | 8 | 1.999.034.739 | 331.509.212 |
| Tổng cộng tài sản | 250 | | 110.746.963.439 | 34.393.957.926 |

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Bảng Cân đối Kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

| Nguồn vốn | Mã số | Thuyết minh | 31.12.2014 | 31.12.2013 |
|--|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| A. Nợ phải trả | 300 | | 26.393.257.782 | 12.137.568.104 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 26.216.369.782 | 12.137.568.104 |
| 1. Vay ngắn hạn | 311 | 9 | 4.000.000.000 | 4.011.250.000 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 21.055.590.751 | 8.096.036.678 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 15.840.000 | 15.840.000 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 10 | 1.095.168.683 | 3.661.879 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | - | 3.677.605 |
| 7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 318 | | 5.358.942 | 7.101.942 |
| 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 323 | | 44.411.406 | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 176.888.000 | - |
| 1. Vay và nợ dài hạn | 331 | 9 | 176.888.000 | - |
| B. Vốn chủ sở hữu | 400 | | 84.353.705.657 | 22.256.389.822 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 11 | 84.353.705.657 | 22.256.389.822 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 80.000.000.000 | 22.200.000.000 |
| 6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | 416 | | 133.234.218 | - |
| 7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 417 | | 4.220.471.439 | 56.389.822 |
| Tổng cộng nguồn vốn | 440 | | 110.746.963.439 | 34.393.957.926 |

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 10 tháng 7 năm 2015



PHẠM HUY THẮNG
Tổng Giám đốc

V. Anh

VŨ THỊ VÂN ANH
Kế toán trưởng

Trần Thị Bích Hòa

TRẦN THỊ BÍCH HÒA
Người lập biểu

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 10 tháng 7 năm 2012

V. Anh

Moore

7

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

| Chỉ tiêu | Mã số | 2014 | 2013 |
|--|-----------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 5.487.853.929 | 2.651.215 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao TSCĐ | 02 | 138.857.578 | 303.832.432 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (2.029.786) | (593.357) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 440.971.173 | 524.049.681 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 6.065.652.894 | 829.939.971 |
| Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác | 09 | (54.296.995.649) | (12.760.010.606) |
| Thay đổi hàng tồn kho | 10 | (4.022.268.800) | (3.252.277.009) |
| Thay đổi các khoản phải trả | 11 | 12.954.133.468 | 2.426.675.316 |
| Thay đổi chi phí trả trước | 12 | (1.850.597.966) | 34.722.227 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (440.971.173) | (524.049.681) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (54.619.884) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (41.645.667.110) | (13.244.999.782) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | (6.367.809.091) | (67.171.819) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 18.553.467 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (6.010.000.000) | - |
| 7. Thu lãi tiền gửi | 27 | 2.029.786 | 593.357 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (12.357.225.838) | (66.578.462) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Thu từ vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 57.800.000.000 | 11.000.000.000 |
| 3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 4.199.000.000 | 7.999.513.180 |
| 4. Chi trả nợ gốc vay | 34 | (4.033.362.000) | (8.043.791.183) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 57.965.638.000 | 10.955.721.997 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 3.962.745.052 | (2.355.856.247) |
| Tiền tồn đầu năm | 60 | 673.052.363 | 3.028.908.610 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái | 61 | - | - |
| Tiền tồn cuối năm | 70 | 4.635.797.415 | 673.052.363 |

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 10 tháng 7 năm 2015



PHẠM HUY THÀNH
Tổng Giám đốc

V. Anh

VŨ THỊ VÂN ANH
Kế toán trưởng

Thuan

TRẦN THỊ BÍCH HÒA
Người lập biểu

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần, tiền thân là Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Đầu tư thương mại Việt Nam thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102032308 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 10 năm 2007. Sau khi chuyển đổi, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035143 ngày 23 tháng 2 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sau này là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của Công ty đã được điều chỉnh như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp điều chỉnh

Lần 1 số 0103035143 ngày 1 tháng 2 năm 2010

Lần 2 số 0102382580 ngày 4 tháng 8 năm 2010

Lần 3 số 0102382580 ngày 20 tháng 12 năm 2010

Lần 4 số 0102382580 ngày 19 tháng 11 năm 2012

Lần 5 số 0102382580 ngày 5 tháng 9 năm 2013

Lần 6 số 0102382580 ngày 22 tháng 9 năm 2014

Lần 7 số 0102382580 ngày 29 tháng 9 năm 2014

Lần 8 số 0102382580 ngày 16 tháng 10 năm 2014

Nội dung điều chỉnh

Bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ

Cấp lại mã số doanh nghiệp và bổ sung thông tin về địa điểm kinh doanh số 2

Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh

Bổ sung ngành nghề kinh doanh và thông tin về địa điểm kinh doanh

Bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ

Bổ sung ngành nghề kinh doanh

Bổ sung thông tin về địa điểm kinh doanh

Bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 80 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số nhà 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Nhà máy sản xuất số 1 của Công ty đặt tại số 2, ngõ 55, ngách 42, phố Thanh Lân, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Nhà máy sản xuất số 2 của Công ty đặt tại số 42 Cầu Bươu, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là hoạt động bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, thi công các công trình xây dựng và vận chuyển hàng hóa.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.1. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

2.2. Áp dụng Luật Kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tiền tồn tại quỹ của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, Công ty sử dụng tỷ giá quy đổi ngoại tệ theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh;
- Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Trường hợp ngân hàng thương mại này không công bố tỷ giá của đồng ngoại tệ đó thì phải quy đổi thông qua tỷ giá của một số đơn vị ngoại tệ chủ yếu mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng tại thời điểm đánh giá lại.

Trong năm, Công ty thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 và Thông tư 179 nói trên, cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định khi Công ty đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính;
- Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Công ty không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên **khoản lãi** chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2.4. Công cụ tài chính

Trong năm, Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Theo đó, các chính sách kế toán về việc ghi nhận, xác định và trình bày các khoản mục tài sản và công nợ tài chính được thể hiện trong phần Thuyết minh này hoặc các Thuyết minh về các khoản mục liên quan trong báo cáo tài chính này.

Các công cụ tài chính được phân loại như tài sản, các khoản nợ phải trả tài chính hoặc vốn chủ sở hữu phù hợp với những điều khoản ràng buộc trong hợp đồng hoặc các thỏa thuận tương tự. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận, các khoản lỗ và lãi có liên quan đến công cụ tài chính hoặc cấu phần của nó mà là nợ tài chính phải trả được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Cổ tức, lợi nhuận trả cho các cổ đông được ghi giảm trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Trường hợp cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả thì khoản phải trả về cổ tức cho các cổ đông của cổ phiếu ưu đãi đó được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả tại cùng một thời điểm.

Cụ thể:

i) Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

- Tài sản tài chính

Cho mục đích trình bày trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp thành các nhóm sau: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

- Nợ phải trả tài chính

Cho mục đích trình bày trong các báo cáo tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

ii) Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau khi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm cả sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| <u>Tài sản</u> | <u>Số năm khấu hao</u> |
|--------------------------|------------------------|
| Máy móc, thiết bị | 2 - 6 |
| Phương tiện vận tải | 5 - 6 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 3 |

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm: lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.9. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1,5 đến 5 năm:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Đồ dùng văn phòng;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn.

2.10. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là khoản thuế dự kiến phải nộp tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng thuế suất đã được phê duyệt tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước. Tài sản và công nợ thuế hoãn lại không được phản ánh trong bảng cân đối kế toán

2.12. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty được ghi nhận theo giá trị thực góp.

2.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

2.14. Hợp đồng xây dựng

a) Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và
- (ii) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Căn cứ để xác định doanh thu từ hợp đồng xây dựng là khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình và đơn giá hợp đồng mới nhất được duyệt. Khối lượng công việc hoàn thành là khối lượng đã được chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư xác nhận thông qua Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp giá trị thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành v.v.

b) Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;
- (ii) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể (bao gồm cả chi phí đi vay nếu thỏa mãn các điều kiện chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định);
- (iii) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

c) Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.
- (iii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

d) Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:

- (i) Các khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải thu đã phát hành hóa đơn, tại thời điểm báo cáo, theo hợp đồng xây dựng đã ký trong đó quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.
- (ii) Các khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải trả đã nhận được hóa đơn, tại thời điểm báo cáo của nhà thầu, khi hợp đồng xây dựng đã ký quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.
- (iii) Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận là khoản phải thu/phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng trên bản cân đối kế toán.

2.15. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.17. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.18. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

2.19. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

| Nội dung | 31.12.2014 | 31.12.2013 |
|--------------------|----------------------|--------------------|
| Tiền mặt tại quỹ | 1.630.656.891 | 670.498.783 |
| Tiền gửi ngân hàng | 3.005.140.524 | 2.553.580 |
| | 4.635.797.415 | 673.052.363 |

4. Đầu tư tài chính ngắn hạn

| Nội dung | 31.12.2014 | 31.12.2013 |
|-----------------------------------|----------------------|------------|
| Cho bà Phạm Thị Thu Hương vay (*) | 6.010.000.000 | - |
| | 6.010.000.000 | - |

(*) Chi tiết các hợp đồng vay vốn như sau:

| Hợp đồng | Kỳ hạn vay (tháng) | Thời hạn trả nợ | Lãi suất (%/năm) | Số dư 31.12.2014 |
|--------------------------|-----------------------|--------------------|---------------------|----------------------|
| Số 221201/2014HĐCVV-TMVN | 1 | 22/1/2015 | 7 | 910.000.000 |
| Số 271201/2014HĐCVV-TMVN | 1 | 28/1/2015 | 7 | 2.000.000.000 |
| Số 291201/2014HĐCVV-TMVN | 1 | 29/1/2015 | 7 | 3.100.000.000 |
| | | | | 6.010.000.000 |

5. Hàng tồn kho

| Nội dung | 31.12.2014 | 31.12.2013 |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 7.317.133.768 | 6.730.458.163 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 4.004.573.676 | 139.769.532 |
| Thành phẩm | 3.356.191.653 | - |
| Hàng hóa | - | 7.198.114.159 |
| Hàng gửi bán | 3.412.711.557 | - |
| | 18.090.610.654 | 14.068.341.854 |

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

6. Tài sản ngắn hạn khác

| Nội dung | Số dư đầu năm | Tăng trong năm | Phân bổ trong năm | Số dư cuối năm |
|-------------------------------------|---------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí trả trước ngắn hạn | - | 1.192.682.460 | (977.482.045) | 215.200.415 |
| Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng | - | 294.975.388 | (285.363.383) | 9.612.005 |
| Công cụ, dụng cụ | - | 584.207.072 | (480.407.072) | 103.800.000 |
| Đồ dùng văn phòng | - | 313.500.000 | (211.711.590) | 101.788.410 |
| Tạm ứng | - | 1.626.477.500 | - | 1.626.477.500 |
| Ông Dương Quảng Đông | - | 750.000.000 | - | 750.000.000 |
| Ông Phạm Huy Thành | - | 424.827.500 | - | 424.827.500 |
| Bà Đặng Thị Tuyết Lan | - | 400.000.000 | - | 400.000.000 |
| Bà Nguyễn Thu Thủy | - | 51.650.000 | - | 51.650.000 |
| | - | 2.819.159.960 | (977.482.045) | 1.841.677.915 |

7. Tài sản cố định hữu hình

| Nội dung | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|------------------------|----------------------|---------------------|---------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 74.227.273 | 257.550.000 | - | 331.777.273 |
| Mua mới trong năm | 5.980.400.000 | 284.409.091 | 103.000.000 | 6.367.809.091 |
| Giảm trong năm | (74.227.273) | (193.913.636) | - | (268.140.909) |
| <u>Trong đó:</u> | | | | |
| - Thanh lý | - | (193.913.636) | - | (193.913.636) |
| - Phân loại lại | (74.227.273) | - | - | (74.227.273) |
| Số dư cuối năm | 5.980.400.000 | 348.045.455 | 103.000.000 | 6.431.445.455 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số dư đầu năm | 42.099.297 | 121.912.943 | - | 164.012.240 |
| Tăng trong năm | 29.407.407 | 96.098.319 | 13.351.852 | 138.857.578 |
| Giảm trong năm | (42.099.297) | (175.360.169) | - | (217.459.466) |
| <u>Trong đó:</u> | | | | |
| - Thanh lý | - | (175.360.169) | - | (175.360.169) |
| - Phân loại lại | (42.099.297) | - | - | (42.099.297) |
| Số dư cuối năm | 29.407.407 | 42.651.093 | 13.351.852 | 85.410.352 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 32.127.976 | 135.637.057 | - | 167.765.033 |
| Số dư cuối năm | 5.950.992.593 | 305.394.362 | 89.648.148 | 6.346.035.103 |

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

8. Tài sản dài hạn khác

8.1. Chi phí trả trước dài hạn

| Nội dung | Số dư đầu năm | Tăng trong năm | Phân bổ trong năm | Số dư cuối năm |
|-----------------------------|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí cải tạo văn phòng | 252.404.755 | 1.750.049.834 | (229.976.702) | 1.772.477.887 |
| Đồ dùng, thiết bị văn phòng | 79.104.457 | 58.774.449 | (106.571.636) | 31.307.270 |
| Công cụ dụng cụ | - | 287.230.000 | (91.980.418) | 195.249.582 |
| | 331.509.212 | 2.096.054.283 | (428.528.756) | 1.999.034.739 |

9. Vay ngắn hạn

| Nội dung | 31.12.2014 | 31.12.2013 |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Vay và nợ ngắn hạn | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Vay và nợ dài hạn đến hạn trả | - | 11.250.000 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | - | 11.250.000 |
| Vay và nợ dài hạn | 176.888.000 | - |
| Vay ngân hàng | 176.888.000 | - |
| | 4.176.888.000 | 4.011.250.000 |

9.1. Chi tiết các khoản vay và nợ như sau:

| Nội dung | Kỳ hạn vay (tháng) | Thời hạn trả nợ | Lãi suất (%/năm) | Hình thức đảm bảo | Số dư 31.12.2014 |
|--|--------------------|-----------------|------------------|-------------------|----------------------|
| Vay ngắn hạn | | | | | 4.000.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín | | | | | |
| Giấy nhận nợ số 2 | 6 | 12/2/2015 | 11 | Bảo lãnh (*) | 637.000.000 |
| Giấy nhận nợ số 3 | 6 | 13/5/2015 | 11 | Bảo lãnh (*) | 63.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội | | | | | |
| Giấy nhận nợ số 3 | 6 | 12/3/2015 | 10,4 | Bảo lãnh (**) | 830.000.000 |
| Giấy nhận nợ số 4 | 6 | 23/3/2015 | 10,4 | Bảo lãnh (**) | 850.000.000 |
| Giấy nhận nợ số 5 | 6 | 25/3/2015 | 10,4 | Bảo lãnh (**) | 550.000.000 |
| Giấy nhận nợ số 6 | 6 | 29/3/2015 | 10,4 | Bảo lãnh (**) | 1.070.000.000 |
| Vay và nợ dài hạn – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín | | | | | 176.888.000 |
| Hợp đồng vay số LD1422600004 | 36 | 14/8/2017 | 9 | Bảo lãnh (*) | 176.888.000 |
| | | | | | 4.176.888.000 |

(*) Vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín được bảo lãnh bởi ông Đặng Văn Cần (bố đẻ Bà Đặng Thị Tuyết Lan - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc) thế chấp một bất động sản tại Phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, và tài sản khác gắn liền với đất số BD 518596 do UBND quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội cấp ngày 3/11/2010.

(**) Vay tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội được bảo lãnh bởi bà Phạm Thị Thu Hương (chị gái Ông Phạm Huy Thành - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc) thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tổ 10, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và khoản bảo lãnh của bà Đặng Thị Tuyết Lan và ông Phạm Huy Thành thế chấp quyền sử dụng đất tại thôn Đồng, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

10. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

| Nội dung | Số dư đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số dư cuối năm |
|--|------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng đầu vào | 28.150.059 | 15.511.420.054 | (15.306.161.511) | 233.408.602 |
| | 28.150.059 | 15.511.420.054 | (15.306.161.511) | 233.408.602 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng đầu ra | - | 15.334.238.090 | (15.334.238.090) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.661.879 | 1.146.126.688 | (54.619.884) | 1.095.168.683 |
| Thuế môn bài | - | 5.000.000 | (5.000.000) | - |
| | 3.661.879 | 16.485.364.778 | (15.393.857.974) | 1.095.168.683 |

10.1. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

10.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 20% kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016. Mức thuế suất cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng là 20% do Công ty có tổng doanh thu năm 2013 nhỏ hơn 20 tỷ đồng.

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

| Nội dung | 2014 | 2013 |
|--|---------------|-----------|
| Lợi nhuận thuần trước thuế | 5.487.853.929 | 2.651.215 |
| Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận để tính thu nhập chịu thuế | 63.571.876 | - |
| Lỗ năm trước chuyển sang | - | - |
| Thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 5.551.425.805 | 2.651.215 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả trong năm | 1.110.285.161 | 662.804 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả đầu năm | 3.661.879 | 2.999.075 |
| Thuế TNDN trích thiếu các năm trước | 35.841.527 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm | (54.619.884) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả cuối năm | 1.095.168.683 | 3.661.879 |

10.3. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

11. Vốn chủ sở hữu

11.1. Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu

| Nội dung | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|---------------------------------------|------------------------------|--------------------------|------------------------------|-----------------------------|----------------|
| Số dư 31.12.2012 | 11.200.000.000 | - | - | 54.401.411 | 11.254.401.411 |
| Tăng vốn trong năm | 11.000.000.000 | - | - | - | 11.000.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 1.988.411 | 1.988.411 |
| Số dư 31.12.2013 | 22.200.000.000 | - | - | 56.389.822 | 22.256.389.822 |
| Tăng vốn trong năm | 57.800.000.000 | - | - | - | 57.800.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 4.341.727.241 | 4.341.727.241 |
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển | - | 88.822.812 | - | (88.822.812) | - |
| Trích lập quỹ dự phòng tài chính | - | - | 44.411.406 | (44.411.406) | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | (44.411.406) | (44.411.406) |
| Số dư 31.12.2014 | 80.000.000.000 | 88.822.812 | 44.411.406 | 4.220.471.439 | 84.353.705.657 |

11.2. Chi tiết vốn cổ phần

| Cổ đông sáng lập | Vốn cổ phần thường | |
|-----------------------|--------------------|----------------|
| | 31.12.2014 | 31.12.2013 |
| Ông Phạm Huy Thành | 56.000.000.000 | 16.950.000.000 |
| Bà Đặng Thị Tuyết Lan | 20.000.000.000 | 4.500.000.000 |
| Bà Đặng Thị Tiệp | 4.000.000.000 | 750.000.000 |
| | 80.000.000.000 | 22.200.000.000 |

11.3. Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau

| Nội dung | 2014 | 2013 |
|----------------------------|----------------|----------------|
| Vốn cổ phần đầu năm | 22.200.000.000 | 11.200.000.000 |
| Vốn cổ phần tăng trong năm | 57.800.000.000 | 11.000.000.000 |
| Vốn cổ phần giảm trong năm | - | - |
| Vốn cổ phần cuối năm | 80.000.000.000 | 22.200.000.000 |

11.4. Cổ phần

| Nội dung | 31.12.2014 | 31.12.2013 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phần đăng ký phát hành | 8.000.000 | 3.000.000 |
| Số lượng cổ phần đã phát hành | 8.000.000 | 2.220.000 |
| Cổ phần thường | 8.000.000 | 2.220.000 |
| Số lượng cổ phần đang lưu hành | 8.000.000 | 2.220.000 |
| Cổ phần thường | 8.000.000 | 2.220.000 |
| Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần. | | |

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

12. Doanh thu

| Nội dung | 2014 | 2013 |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Doanh thu hoạt động thương mại | 81.178.617.749 | 6.708.171.135 |
| Doanh thu hoạt động thi công xây dựng | 68.999.956.620 | 10.308.190.182 |
| Doanh thu dịch vụ khác | 3.719.997.619 | 290.340.000 |
| | 153.898.571.988 | 17.306.701.317 |

13. Giá vốn hàng bán

| Nội dung | 2014 | 2013 |
|-------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Giá vốn hoạt động thương mại | 77.661.881.250 | 6.564.928.229 |
| Giá vốn hoạt động thi công xây dựng | 64.827.480.716 | 8.909.875.101 |
| Giá vốn dịch vụ khác | 1.806.720.188 | 117.537.487 |
| | 144.296.082.154 | 15.592.340.817 |

14. Chi phí sản xuất theo yếu tố

| Nội dung | 2014 | 2013 |
|---|------------------------|-----------------------|
| Chi phí mua hàng hóa | 70.438.748.124 | 8.690.846.702 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp | 73.335.019.229 | 6.171.300.807 |
| Chi phí nhân công trực tiếp | 1.944.956.000 | 1.361.160.000 |
| Chi phí phân bổ | 656.591.515 | - |
| Chi phí khấu hao | 82.631.570 | 56.828.184 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.245.678.927 | - |
| Chi phí khác | 28.049.984 | 3.375.750 |
| | 147.731.675.349 | 16.283.511.443 |

15. Chi phí tài chính

| Nội dung | 2014 | 2013 |
|-----------------|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền vay | 440.971.173 | 524.049.681 |
| | 440.971.173 | 524.049.681 |

16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| Nội dung | 2014 | 2013 |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 1.552.754.788 | 503.023.405 |
| Chi phí phân bổ | 749.419.287 | 266.609.301 |
| Chi phí khấu hao | 56.226.008 | 15.117.174 |
| Thuế, phí và lệ phí | 11.257.000 | 5.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.242.465.559 | 451.318.008 |
| | 3.612.122.642 | 1.241.067.888 |

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

17. Thu nhập khác

| Nội dung | 2014 | 2013 |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| Thu từ thanh lý tài sản cố định | 18.553.467 | - |
| Chiết khấu thương mại | - | 52.814.927 |
| | 18.553.467 | 52.814.927 |

18. Chi phí khác

| Nội dung | 2014 | 2013 |
|---|-------------------|----------|
| Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý | 18.553.467 | - |
| Các khoản phạt và truy thu thuế theo biên bản quyết toán thuế | 63.571.876 | - |
| | 82.125.343 | - |

19. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

19.1. Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung giao dịch | Giá trị | |
|-----------------------|--|------------------------------|----------------|---------------|
| | | | 2014 | 2013 |
| Ông Phạm Huy Thành | Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc | Góp vốn | 39.050.000.000 | 8.450.000.000 |
| | | Tạm ứng công tác và mua hàng | 424.827.500 | - |
| Bà Đặng Thị Tuyết Lan | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc | Góp vốn | 15.500.000.000 | 2.500.000.000 |
| | | Tạm ứng công tác và mua hàng | 400.000.000 | - |
| Bà Đặng Thị Tiệp | Cổ đông sáng lập | Góp vốn | 3.250.000.000 | 50.000.000 |
| Ông Dương Quang Đông | Trưởng Ban kiểm soát | Tạm ứng công tác và mua hàng | 750.000.000 | - |
| | | | | |
| Bà Phạm Thị Thu Hương | Chị gái Ông Phạm Huy Thành - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc | Cho vay (*) | 6.010.000.000 | - |
| | | Bảo lãnh vay vốn (**) | 3.300.000.000 | - |
| Ông Đặng Văn Cần | Bố đẻ Bà Đặng Thị Tuyết Lan - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc | Bảo lãnh vay vốn (***) | 876.888.000 | - |
| | | | | |

Ghi chú:

- (*) Chi tiết các hợp đồng cho Bà Phạm Thị Thu Hương vay vốn được thể hiện tại Thuyết minh 4 của báo cáo này.
- (**) Chi tiết việc Bà Phạm Thị Thu Hương bảo lãnh vay vốn cho Công ty được thể hiện tại Thuyết minh 9.1 của báo cáo này.
- (***) Chi tiết việc Ông Đặng Văn Cần bảo lãnh vay vốn cho Công ty được thể hiện tại Thuyết minh 9.1 của báo cáo này.

19.2. Các giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc:

| Nội dung | 2014 | 2013 |
|----------|--------------------|-------------------|
| Lương | 148.211.693 | 48.848.462 |
| | 148.211.693 | 48.848.462 |

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

20. Công cụ tài chính

20.1. Quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay ngắn hạn, phải trả người bán và các khoản phải trả ngắn hạn khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty cũng có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh toán. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí của rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro. Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền, phải thu khách hàng, phải trả người bán và phải trả khác.

i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty không có rủi ro lãi suất trong năm do các khoản vay của Công ty có lãi suất cố định.

ii) Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty không có rủi ro đáng kể về giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa và thông qua các nhà cung cấp nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

i) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Công ty quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu còn tồn đọng tại ngày báo cáo.

ii) Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 3. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

iii) Các công cụ tài chính khác

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu đã được lập dự phòng.

c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản trị rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu như sau:

| <u>Ngày 31.12.2014</u> | <u>Dưới 1 năm</u> | <u>Từ 1-5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Tổng cộng</u> |
|------------------------|-----------------------|--------------------|-------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn | 4.000.000.000 | - | - | 4.000.000.000 |
| Vay dài hạn | - | 176.888.000 | - | 176.888.000 |
| Phải trả người bán | 21.055.590.751 | - | - | 21.055.590.751 |
| | 25.055.590.751 | 176.888.000 | - | 25.232.478.751 |

| <u>Ngày 31.12.2013</u> | <u>Dưới 1 năm</u> | <u>Từ 1-5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Tổng cộng</u> |
|------------------------|-----------------------|-------------------|-------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn | 4.011.250.000 | - | - | 4.011.250.000 |
| Phải trả người bán | 8.096.036.678 | - | - | 8.096.036.678 |
| | 12.107.286.678 | - | - | 12.107.286.678 |

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

21. Sự kiện sau ngày khóa sổ

Sau ngày khóa sổ kế toán, tại Công ty có phát sinh một số sự kiện như sau:

- Ngày 23 tháng 1 năm 2015, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận là công ty đại chúng theo công văn số 368/UBCK-QLPH;
- Ngày 30 tháng 1 năm 2015, Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102382580 đăng ký thay đổi lần thứ chín để bổ sung địa điểm kinh doanh là Nhà máy sản xuất số 2 của Công ty đặt tại số 42 Cầu Bươu, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Ngày 5 tháng 2 năm 2015, Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0102382580-002 đăng ký lần đầu tại địa chỉ số 193 Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Công ty thực hiện góp vốn thành lập Công ty Cổ phần MBG Công nghệ và Truyền thông với trị giá vốn góp là 12 tỷ đồng bằng tiền gửi ngân hàng, chiếm 40% vốn điều lệ của công ty liên kết này. Việc góp vốn được thực hiện theo Quyết định số 67/QĐ-VN của Đại hội đồng cổ đông ngày 30/3/2015. Công ty Cổ phần MBG Công nghệ và Truyền thông là một công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 010684075 ngày 7 tháng 5 năm 2015, có địa chỉ đặt tại số nhà 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam, với vốn điều lệ là 30 tỷ đồng và các cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam (12 tỷ đồng), Công ty TNHH AAI Quốc tế (12 tỷ đồng) và ông Phạm Huy Thành (6 tỷ đồng);
- Ngày 15 tháng 5 năm 2015, Công ty đã đăng ký chứng khoán và được Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp mã chứng khoán MBG, mệnh giá 10.000 đồng, là cổ phiếu-phổ thông, số lượng cổ phiếu đăng ký là 8 triệu cổ phiếu tương đương với giá trị 80 tỷ đồng theo công văn chấp thuận số 28/2015/GCNCP-VSD;
- Ngày 15 tháng 6 năm 2015, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông với số tiền 4 tỷ đồng căn cứ theo Quyết định số 0406/2015/QĐ/HĐQT-TMVN của Hội đồng quản trị ngày 4/6/2015.

22. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 10 tháng 7 năm 2015.



PHẠM HUY THÀNH
Tổng Giám đốc

V. Anh

VŨ THỊ VÂN ANH
Kế toán trưởng

Thao

TRẦN THỊ BÍCH HÒA
Người lập biểu